

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2025

V/v: “*Không công nhận vợ
chồng, tranh chấp nuôi con
chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đình Thọ

- Ông Trương Cao Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12
- Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá tham gia phiên
tòa:*** Bà Nhữ Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc “*Không công nhận vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn PS, xã QL, tỉnh Thanh Hoá, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Ng, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn PS, xã QL, tỉnh Thanh Hóa, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2025, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:

Chị và anh Bùi Văn Ng tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, không tổ chức cưới hỏi và cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Ng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên đã ly thân nhau từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết không công nhận chị và anh Ng là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Tường Vi, sinh ngày 26/3/2014. Cháu Vi có nguyện vọng ở cùng chị Ng nên chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Vi, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Ng trình bày: Anh và chị Q do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống với nhau đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và đã ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị Q yêu cầu Tòa án không công nhận chị Q và anh là vợ chồng, anh Ng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Tường Vi, sinh ngày 26/3/2014. Cháu Vi có nguyện vọng ở cùng chị Q và chị Q cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Vi nên anh đồng ý giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Quý Lương ngày 29/8/2025 thể hiện: Chị Lê Thị Q và anh Bùi Văn Ng có hộ khẩu thường trú tại Thôn PS, xã QL, tỉnh Thanh Hóa. Qua tra cứu hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Quý Lương không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của chị Q và anh Ng, do đó không có căn cứ xác định chị Q, anh Ng có đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không biết vì anh chị không báo cáo, cũng không đề nghị hòa giải tại địa phương. Chị Q và anh Ng có 01 con chung là cháu Bùi Tường Vi, sinh ngày 26/3/2014

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Q và anh Bùi Văn Ng là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Bùi Tường Vi, sinh ngày 26/3/2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Q, anh Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Q và bị đơn anh Bùi Văn Ng đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn PS, xã QL, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Q và anh Ng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh chị có 01 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp “Không công nhận vợ chồng, Tranh chấp nuôi con chung” quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Q, anh Ng.

[4]. Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Q và bị đơn anh Bùi Văn Ng tự chung sống với nhau từ năm 2012 như vợ chồng, không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đều thừa nhận không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, xác định chị Q và anh Ng không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của chị Q và anh Ng. Việc nguyên đơn và bị đơn có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình chung sống lại không đăng ký kết hôn theo đúng trình tự, thủ tục. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Trong thời gian chung sống giữa chị Q và anh Ng phát sinh mâu thuẫn và đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, nay chị Q xác định không thể chung sống cùng anh Ng được nữa. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Q và anh Ng là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Chị Q và anh Ng có 01 con chung là Bùi Tường Vi, sinh ngày 26/3/2014. Tại đơn khởi kiện chị Q đề nghị giao con cho anh Ng nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q và anh Ng thống nhất giao cháu Bùi Tường Vi cho chị Q nuôi dưỡng, cháu Vi cũng có nguyện vọng ở cùng mẹ. Do đó, giao cháu Vi cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Vi đủ tuổi thành niên. Chị Q không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Q và anh Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 7 khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Q và anh Bùi Văn Ng là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận chị Q và anh Ng có 01 con chung là Bùi Tường Vi, sinh ngày 26/3/2014. Giao cháu Bùi Tường Vi cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên, chị Q không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Q và anh Ng không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000395, ngày 18/8/2025, tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hoá. Chị Q đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Q, anh Bùi Văn Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục dân sự tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Quý Lương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung